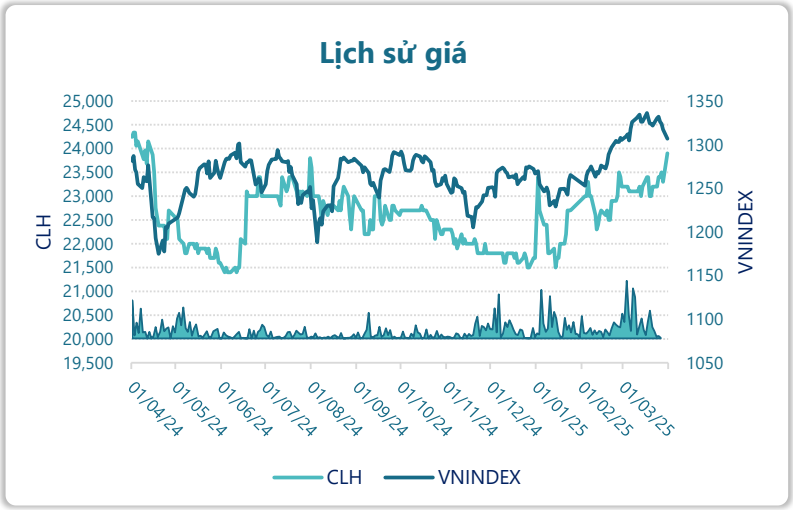
FireAnt

CTCP Xi măng La Hiên VVMI (HNX: CLH)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**23,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,338
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	21,400
SL cổ phiếu LH	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,075
% sở hữu nước ngoài	5.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	287
P/E	7.1
EPS	3,376

DT thuần

Q1/25

146

tỷ VNĐ

QoQ: ▼80.0| -35.2%

YoY: ▲ 29.0| 25.2%

LN sau thuế

Q1/25

2.19

tỷ VNĐ

QoQ: ▼19.0| -89.6%

YoY: ▲ 1.83| 510%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

7.3%

+/- YoY: ▼ 1.8%

DT thuần

2024

661

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.00| 0.3%

LN sau thuế

2024

38.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼8.40| -17.9%

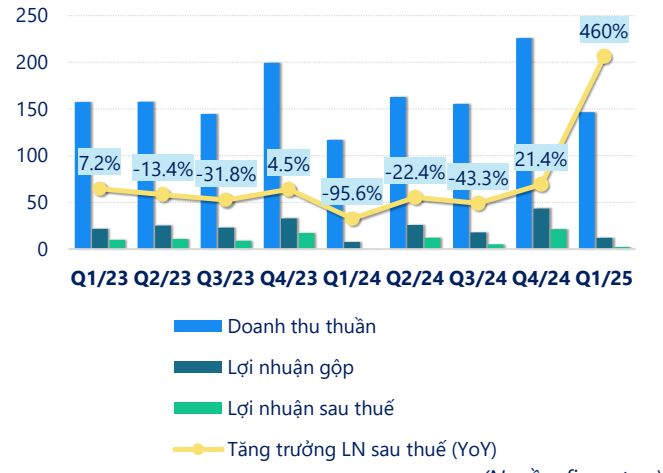
ROE

2024

19.5%

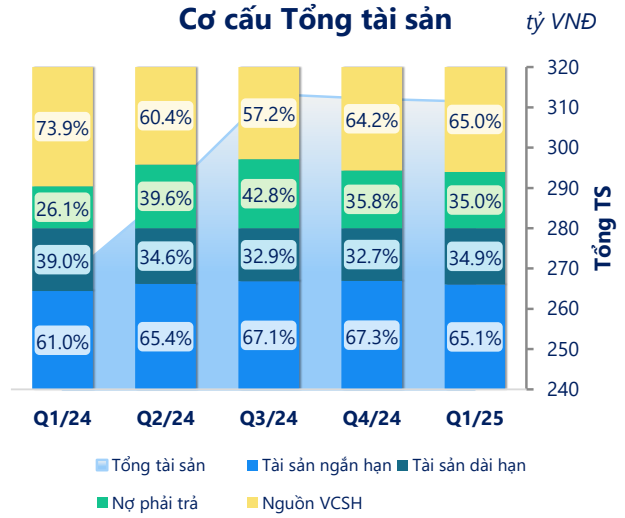
+/- YoY: ▼ 4.1%

Kết quả kinh doanh



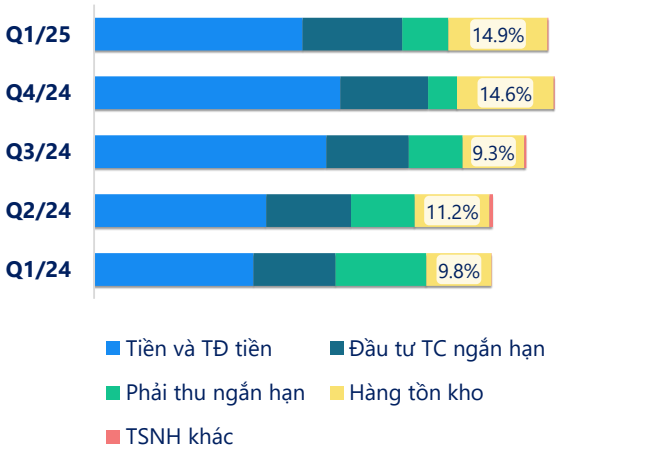
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



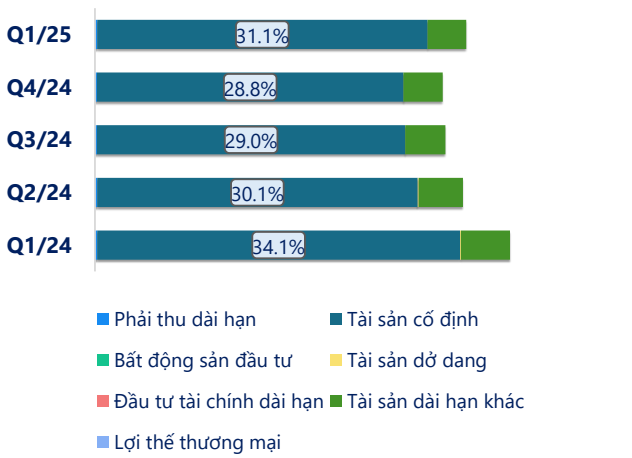
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



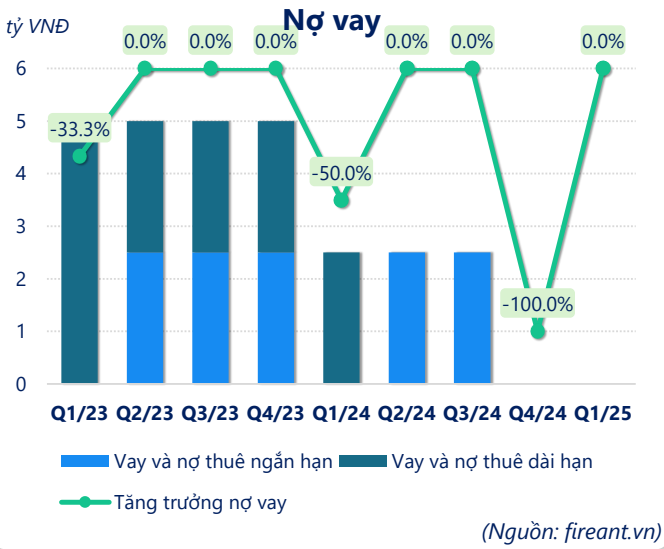
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



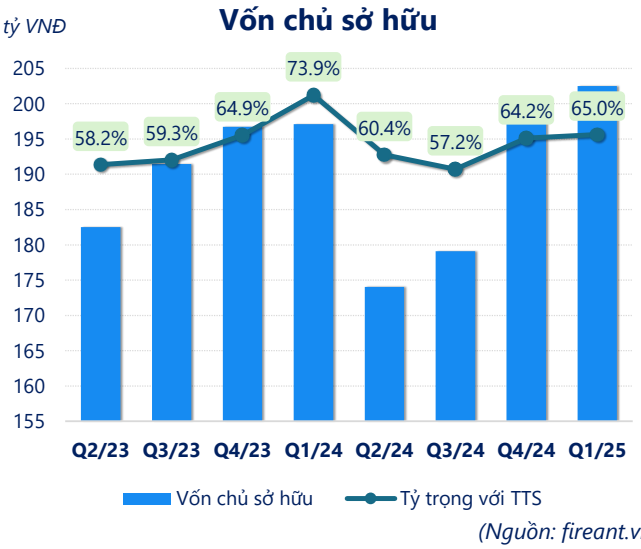
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



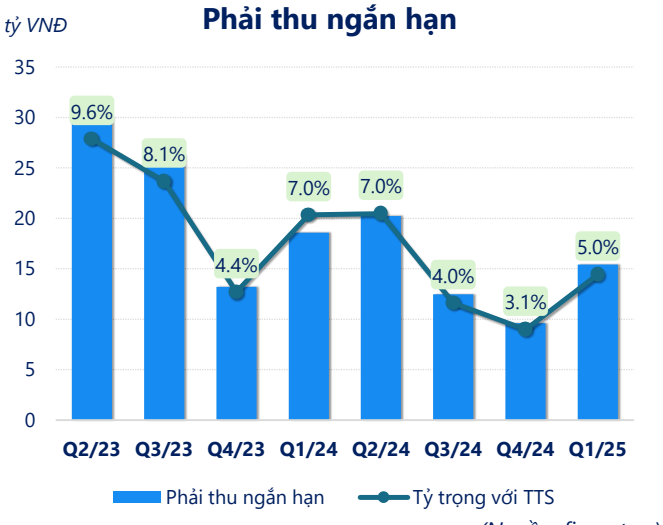
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



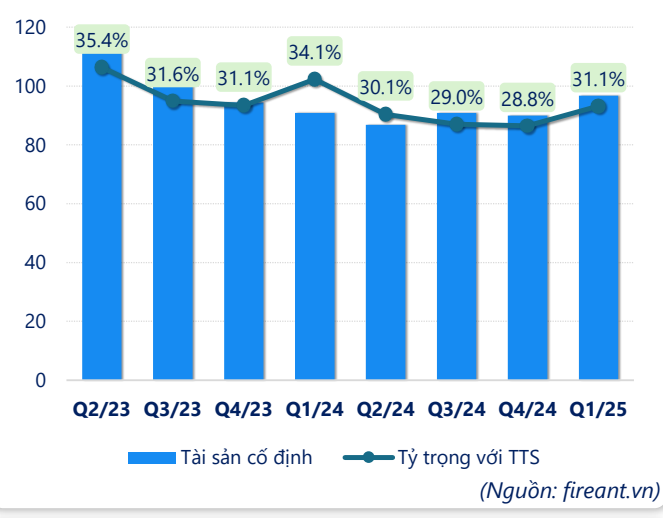
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



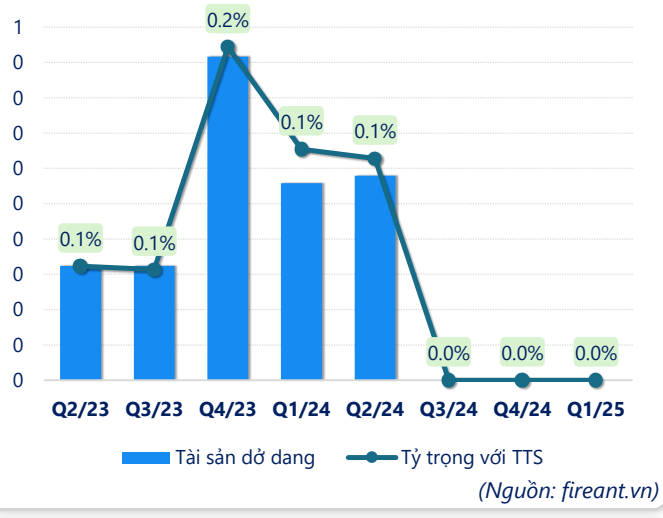
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



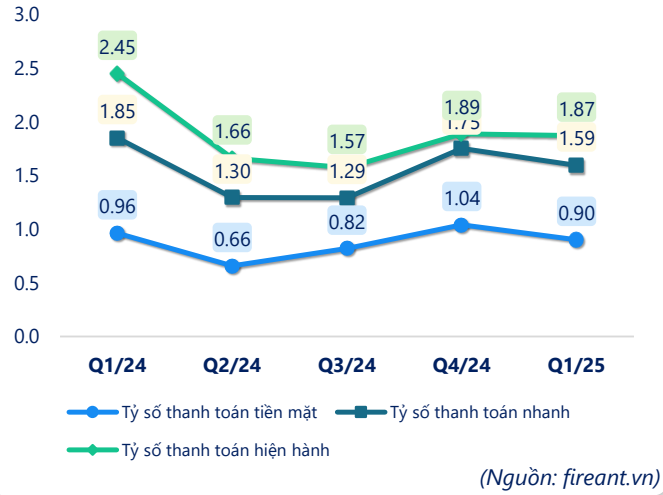
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



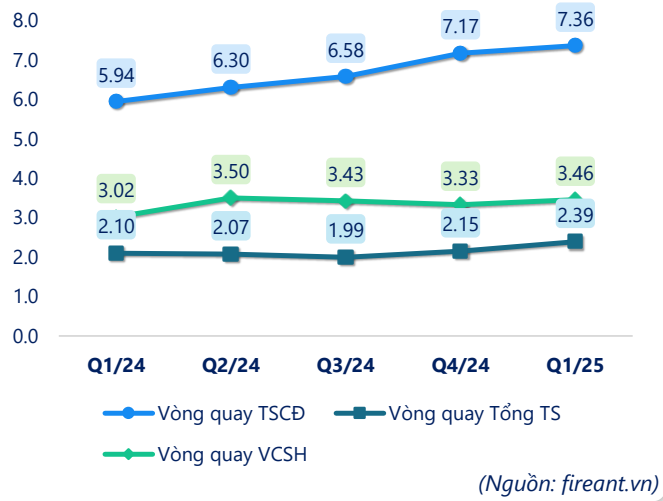
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**267**	**288**	**313**	**312**	**311**
Tài sản ngắn hạn	**163**	**188**	**210**	**210**	**203**
Tiền và tương đương tiền	63.9	74.7	110	116	97.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.0	50.0	50.0	69.5	59.5
Phải thu ngắn hạn	18.6	20.2	12.5	9.61	15.4
Hàng tồn kho	39.7	41.4	37.4	15.1	30.1
Tài sản ngắn hạn khác	0.36	2.10	0.72	0.08	0.06
Tài sản dài hạn	**104**	**99.7**	**103**	**102**	**109**
Phải thu dài hạn	0.59	0.59	0.59	0.59	0.63
Tài sản cố định	90.9	86.8	90.8	90.0	96.7
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.28	0.29	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	12.3	12.0	11.8	11.5	11.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**69.5**	**114**	**134**	**112**	**109**
Nợ ngắn hạn	**66.4**	**113**	**134**	**111**	**108**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	2.50	2.50	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	25.2	32.4	46.8	42.6	55.2
Nợ dài hạn	3.09	0.59	0.59	0.59	0.63
Vay và nợ thuê dài hạn	2.50	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**197**	**174**	**179**	**200**	**202**
Vốn chủ sở hữu	**197**	**174**	**179**	**200**	**202**
Vốn điều lệ	120	120	120	120	120
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)